

Quy định ghi nhãn hàm lượng sợi của New Zealand năm 2000

New Zealand's Fibre Content Labelling Regulations 2000

Consumer Information Standards (Fibre Content Labelling) Regulations 2000 (SR 2000/154)

1. Title and Commencement

These regulations are the Consumer Information Standards (Fibre Content Labelling) Regulations 2000.

These regulations come into force on 1 October 2000.

2. Consumer information standard for fibre content labelling of textile goods

Australian/New Zealand Standard AS/NZS 2622:1996 Textile products—Fibre content labelling is a consumer information standard for the goods to which these regulations apply for the purposes of section 27(2) of the Fair Trading Act 1986, with the following variations:

“(a) General Except if exempted under paragraph (aa), the fibre content of a made-up product must be stated on a permanent label attached to the product.

The permanent label must be accessible for examination by a prospective purchaser. If the permanent label is not accessible because of the way in which the product is packaged, displayed, or folded, the fibre content must be stated also in 1 of the following ways:

“(i) on a removable ticket or label attached to the product; or

“(ii) on a pamphlet accompanying the product; or

“(iii) on a wrapper or package in which the product is sold.

The wording as to the fibre content on any label, ticket, pamphlet, wrapper or package must be in English, be clearly legible, and be of medium width lettering of which no individual letter may be less than 1.5 mm high”

3. Transitional provision

Until the Consumer Information Standards (Fibre Content Labelling) Regulations 1992 are revoked, a person must comply with either the Consumer Information Standards (Fibre Content Labelling) Regulations 1992 or these regulations; and compliance with either set of regulations is compliance with the other set of regulations.

4. Applications

(a) Goods to which regulations apply:

Textile goods: Goods made from natural or synthetic textiles by spinning, weaving, knitting, felting, bonding, tufting, or similar process.

(b) Goods to which regulations do not apply:

- Goods made from customer's fabrics supplied by the customer; or selected by the customer from a range of fabrics offered, by way of samples or any other means, by a retailer.

- Men's, women's, children's, and infants' wear: Armbands, belts, braces, collars, corsets, garters, suspenders, handkerchiefs, and hats.

- Footwear (except hosiery) and textile materials used in the manufacture of footwear.

- Household drapery: Butter muslin, centres, cleaning cloths, dish cloths, doilies, duchess sets, dusters, floor cloths, gauze, mosquito netting and covers made from mosquito netting, pressing cloths, runners, serviettes, ticking, and tray cloths.

- Haberdashery: All haberdashery except elastic, elastic threads, ribbons, zips, iron-on binding patches or trim, sewing thread, velcro type fasteners, and curtain making kits.

- Furnishings and furniture: Awnings, backing materials for carpets, coir mats, cushion covers manufactured from remnants and labelled by the manufacturer with the following disclaimer: “cushion cover manufactured from remnants, fibre content unknown”, draught excluders, lampshades, matting, oil baize, paper felt used for underlinings, tapestries, underfelt, upholstered furniture frame and furniture mechanism covers or linings (such as may be found on the bottom or back of some upholstered furniture) except upholstery fabric covers for the major surfaces of upholstered furniture, wall hangings, and window blinds.

- All jute products.

- Medical and surgical goods: Goods intended for medical and surgical use as bandages, dressings, sanitary pads, and materials forming part of manufactured medical and surgical goods.

- Canvas goods: Beach umbrella coverings, canvas, deckchair covers, duck, garden umbrella coverings, and sail cloth.

- Industrial cloth: Bookbinding cloth, filter cloth, mop cloth, printers’ and signwriters’ cloth, sweat rags, ticket buckram, and undertakers’ cloth.

- Miscellaneous goods: Artificial flowers, bags and cases (including briefcases, handbags, purses, school bags, sports bags, travel bags, wallets, and wash bags), basket hangers, cords, firemen’s hoses, flags, flex coverings, garden gloves, garden hoses, goods intended for one-time use only, lashings, mops, ornaments, parasols, polypropylene webbing and covers for furniture, ribbons forming part of manufactured articles, shoe holders, shoelaces, sporting goods

(except apparel) used for the purposes of sport, toys, twine, umbrellas, and woven labels.

- All secondhand goods

Quy định ghi nhãn hàm lượng sợi của New Zealand năm 2000

Quy định về Tiêu chuẩn Thông tin Người tiêu dùng (Ghi nhãn Hàm lượng Sợi) Năm 2000 (SR 2000/154)

1. Tiêu đề và Ngày có hiệu lực

Các quy định này là Quy định về Tiêu chuẩn Thông tin Người tiêu dùng (Ghi nhãn Hàm lượng Sợi) năm 2000.

Các quy định này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2000.

2. Tiêu chuẩn thông tin người tiêu dùng về ghi nhãn hàm lượng sợi cho hàng dệt may

Tiêu chuẩn Úc/New Zealand AS/NZS 2622: 1996 Sản phẩm dệt — Ghi nhãn hàm lượng sợi là tiêu chuẩn thông tin tiêu dùng cho hàng hóa mà các quy định này áp dụng để phục vụ mục đích của mục 27 (2) của Đạo luật Thương mại Công bằng 1986, với các biến thể sau :

“(A) Quy định chung Ngoại trừ trường hợp được miễn trừ theo khoản (aa), hàm lượng chất xơ của sản phẩm chế tạo phải được ghi trên nhãn cố định gắn liền với sản phẩm.

Người mua tiềm năng phải có khả năng tiếp cận được nhãn vĩnh viễn để kiểm tra. Nếu không thể tiếp cận được nhãn cố định do cách sản phẩm được đóng gói, trưng bày hoặc gấp lại, hàm lượng chất xơ cũng phải được nêu theo một trong các cách sau:

“(I) trên phiếu có thể tháo rời hoặc nhãn được gắn vào sản phẩm; hoặc

“(Ii) trên một cuốn sách nhỏ đi kèm với sản phẩm; hoặc

“(Iii) trên bao bì hoặc gói sản phẩm được bán.

Từ ngữ về hàm lượng chất xơ trên bất kỳ nhãn, vé, cuốn sách nhỏ, giấy gói hoặc gói hàng nào phải bằng tiếng Anh, rõ ràng dễ đọc và là chữ có chiều rộng vừa phải, không có chữ cái riêng lẻ nào có chiều cao dưới 1,5 mm ”

3. Điều khoản chuyển tiếp

Cho đến khi các Quy định về Tiêu chuẩn Thông tin Tiêu dùng (Ghi nhãn Nội dung Sợi) 1992 bị thu hồi, một người phải tuân thủ Quy định Tiêu chuẩn Thông tin Tiêu dùng (Ghi nhãn Nội dung Sợi) 1992 hoặc các quy định này; và việc tuân thủ một trong hai bộ quy định là tuân thủ bộ quy định khác.

4. Phạm vi áp dụng

(a) Hàng hóa áp dụng các quy định:

Hàng dệt may: Hàng hóa được làm từ vải dệt tự nhiên hoặc tổng hợp bằng cách kéo sợi, dệt thoi, dệt kim, bọc nỉ, kết dính, chần sợi hoặc quy trình tương tự.

(b) Hàng hóa không áp dụng các quy định:

- Hàng hóa làm từ vải của khách hàng do khách hàng cung cấp; hoặc do khách hàng lựa chọn từ một loạt các loại vải do nhà bán lẻ cung cấp, theo mẫu hoặc bất kỳ phương tiện nào khác.

- Quần áo nam, nữ, trẻ em và trẻ sơ sinh: Băng tay, thắt lưng, nẹp, vòng cổ, áo nịt ngực, gọng, dây treo, khăn tay và mũ.

- Giày dép (trừ hàng dệt kim) và nguyên liệu dệt dùng trong sản xuất giày dép.

- Xếp nếp gia dụng: Bơ muslin, trung tâm, khăn lau, khăn lau bát đĩa, khăn lau, bộ đồ nữ công tước, khăn lau bụi, khăn trải sàn, gạc, lưới chống muỗi và các tấm phủ được làm từ vải mùng, vải ép, vải chạy, khăn giấy, khăn lau và khay.

- Haberdashery: Tất cả đồ trang sức ngoại trừ thun, chỉ đàn hồi, ruy băng, dây kéo, miếng dán hoặc đồ trang trí trên sắt, chỉ khâu, dây buộc loại khóa dán và bộ dụng cụ làm rèm.

- Nội thất và đồ đạc: Tấm bạt, vật liệu lót nền cho thảm, thảm xơ dừa, vỏ đệm được sản xuất từ tàn dư và được nhà sản xuất dán nhãn với những tuyên bố từ chối trách nhiệm sau: “Vỏ bọc đệm được sản xuất từ tàn tích, không xác định được hàm lượng sợi”, loại trừ nháp, chụp đèn, thảm trải sàn, lớp phủ dầu, ni giấy được sử dụng cho tấm lót, thảm trang trí, vải ni, khung đồ nội thất bọc và các lớp phủ hoặc lớp lót cơ cấu đồ nội thất (chẳng hạn như có thể được tìm thấy ở phía dưới hoặc mặt sau của một số đồ nội thất bọc) ngoại trừ vải bọc cho các bề mặt chính của đồ nội thất bọc, đồ treo tường và rèm cửa sổ.

- Tất cả các sản phẩm day.

- Hàng hóa y tế và phẫu thuật: Hàng hóa dùng trong y tế và phẫu thuật như băng, băng gạc, băng vệ sinh và các vật liệu tạo thành một phần của hàng hóa y tế và phẫu thuật được sản xuất.

- Hàng vải: Ô che bãi biển, vải bạt, ô ngồi ngoài trời, vạt, ô che sân vườn, và vải buồm.

- Vải công nghiệp: Vải đóng sách, vải lọc, vải lau, vải của nhà in và người viết chữ ký, giẻ thấm mồ hôi, khăn xô bán vế, và vải của người đảm nhận.

- Các mặt hàng linh tinh: Hoa nhân tạo, túi và hộp đựng (bao gồm cặp, túi xách, ví, cặp học sinh, túi thể thao, túi du lịch, ví và túi giặt), móc treo giỏ, dây, vòi cứu hỏa, cờ, khăn phủ flex, găng tay làm vườn, vòi làm vườn, hàng hóa chỉ dành để phục vụ mục đích sử dụng một lần, dây buộc, giẻ lau, đồ trang trí, dù che nắng, vải polypropylene và vỏ bọc cho đồ nội thất, ruy băng tạo thành một phần của sản

phẩm chế tạo, đế đưng giày, dây giày, đồ dùng thể thao (trừ quần áo) được sử dụng để phục vụ mục đích thể thao, đồ chơi, sợi xe, ô dù và nhãn dệt.

- Tất cả các loại hàng hóa đã qua sử dụng.